

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152/2023/HS-ST**
Ngày: 24/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuyên
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 166/2023/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Bị cáo Lê Hữu T Sinh ngày 13/5/1973;

Nơi ĐKKHKT: SN ... ĐL, phường DB, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Minh K (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1946; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1974; Con: Có 01 con, sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2022 đến ngày 31/12/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an thành phố Thanh Hóa.
(Có mặt)

Người bị hại: Anh Trần X, sinh năm 1977

Trú tại: SN ... VB, phường DT, thành phố TH, tỉnh TH (vắng mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Ông Trần Đ, sinh năm 1940

Trú tại: SN ... VB, phường DT, thành phố TH, tỉnh TH (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Sỹ X2, sinh năm 1978

Trú tại: KP, QT, thành phố SS, tỉnh TH (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h30 ngày 12/08/2006, anh Trần X , sinh năm 1977 là bạn T , điều khiển xe máy chở Lê Hữu T và anh Nguyễn Thanh T1 , sinh năm 1981, đi uống bia, ăn cháo cá tại quán cháo trên đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa. Anh X dựng xe trên vỉa hè trước quán và cả ba cùng ngồi ăn uống. Trong quá trình ăn uống cùng nhau, lợi dụng lúc anh X đi vệ sinh, chìa khóa xe máy để trên bàn, còn T1 xem ti vi không chú ý, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh X. T lấy chìa khóa xe đi ra mở khóa xe và điều khiển xe chạy thẳng xuống Sầm Sơn. Thông qua một người bạn tên là Quang (không rõ địa chỉ cụ thể) giới thiệu trước, T đến gặp anh Nguyễn Sỹ X2, sinh năm 1978 nói đây là xe của T mới mua, không mang theo giấy tờ, T đề nghị anh X2 cho T gửi xe lại làm tin để vay tiền, anh X2 đồng ý và đã cho T vay số tiền 12.000.000đ, T viết giấy hẹn 5 ngày sau trả tiền và lấy lại xe. Sau đó T bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Ngày 13/8/2006 anh Trần X đến Công an TP. Thanh Hóa báo cáo sự việc. Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa đã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Hữu T ; Do T bỏ trốn không xác định được T ở đâu nên ngày 17/11/2006 Cơ quan điều tra có Quyết định truy nã đối với T . Ngày 28/11/2006 Cơ quan CSĐT quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, điều tra bị can do hết thời hạn điều tra nhưng không xác định được nơi ở của bị can.

Ngày 22/12/2022 T bị bắt theo Lệnh truy nã; Ngày 24/12/2022 Cơ quan điều tra có quyết định đình nã và phục hồi điều tra vụ án, điều tra bị can đối với Lê Hữu T .

Theo báo cáo của anh Trần X , tài sản anh bị trộm cắp là chiếc xe máy hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 36L8- 3020, chủ sở hữu xe là ông Trần Đ (bố anh), xe có giá trị khoảng 23.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 173/KL- HĐĐGTS ngày 30/12/2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Thanh Hóa kết luận: Chiếc xe moto Yamaha Jupiter, loại xe nữ, biển kiểm soát 36L8- 3020, mua tháng 7/2006, đã qua sử dụng có trị giá 16.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Lê Hữu T thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có QLNVLQ, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng: Xe máy hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 36L8- 3020 xác định thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Đ , ngày 25/8/2006 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ .

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi có quyết định phục hồi vụ án Cơ quan điều tra đã triệu tập anh Trần X đến làm việc, Tuy nhiên anh Trần X sức khỏe yếu, đang điều trị bệnh loạn thần do sử dụng ma túy, vợ anh X đang làm thủ tục ly hôn, do đó ông Trần Đ (bố đẻ anh X) là người giám hộ cho anh X .

Quá trình điều tra, ngày 25/8/2006 ông Trần Đ đã nhận lại tài sản là xe máy hiệu Yamaha Jupiter và trả cho anh Sỹ X2 số tiền 3.000.000đ. Nay ông Đ không yêu cầu bị cáo phải trả cho ông số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì cho ông và anh Trần X. Đồng thời ông Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại biên bản ghi lời khai và Giấy báo cáo ngày 25/8/2006, anh Nguyễn Sỹ X2 yêu cầu T trả cho anh số tiền T đã vay. Anh X2 cũng đã viết giấy nhận số tiền 3.000.000đ do ông Đ giao. Sau khi có quyết định phục hồi vụ án Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Sỹ X2 đến làm việc song anh Sỹ X2 đều không có mặt. Qua xác minh tại gia đình và địa phương xác định: Hiện anh Sỹ X2 nghiện ma túy, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, đi đâu làm gì địa phương không biết, gia đình anh Sỹ X2 không có ai ở địa chỉ trên.

Bị cáo thừa nhận có vay của anh Sỹ X2 số tiền 12.000.000đ đến nay chưa trả

Tại bản cáo trạng số 117/CTr-VKS ngày 23 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 - của BLHS; Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt Lê Hữu T từ 09 tháng đến 15 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ; Về dân sự: Buộc bị cáo trả cho anh Sỹ X2 khoản tiền bị cáo vay anh Sỹ X2, được trừ số tiền 3.000.000đ ông Đ đã trả cho anh Sỹ X2; Anh Trần X, ông Trần Đ không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét; Án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Hữu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội; Bị cáo không bào chữa, không tranh luận với đại diện VKS. Lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại; Xin được hưởng khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất; Về dân sự bị cáo đồng ý trả cho anh Sỹ X2 số tiền còn nợ là 9.000.000đ và đồng ý bồi thường cho ông Đ và anh Trần X nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 18 giờ 30 ngày 12/08/2006, tại khu vực đường Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị cáo Lê Hữu Thanh đã có hành vi lợi dụng sơ hở của anh Trần X trong việc quản lý trông coi tài sản, lén lút chiếm đoạt của anh Trần X 01 xe moto Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 36L8-3020 có trị giá 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) đem gửi anh Nguyễn Sỹ X2 làm tin để vay số tiền 12.000.000đ chi tiêu cá nhân.

Căn cứ hành vi của bị cáo và kết luận định giá tài sản đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo T theo khoản 1 Điều 138 - BLHS 1999 (khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự 2015) là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của anh Trần X trong việc trông coi quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt của anh X 01 xe moto trị giá 16.000.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật; Gây mất trật tự trị an trong khu vực, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo.

[3] Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Từ sau khi thực hiện hành vi phạm tội đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng tình các tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự; Bị cáo có nhân thân tốt. Do đó, HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật, khích lệ bị cáo tích cực sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân có ích cho xã hội. Song cần cách ly bị cáo khỏi đời sống cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo và để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về vật chứng: Xe moto Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 36L8 quá tình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Đ , do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật TTHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần X , ông Trần Đ không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Anh Nguyễn Sỹ X2 yêu cầu bị cáo trả cho anh số tiền bị cáo đã vay; Bị cáo cũng thừa nhận đã vay của anh Sỹ X2 12.000.000đ. Quá trình điều tra ông Trần Đ đã trả cho anh Sỹ X2 3.00.000đ và không yêu cầu bị cáo T phải trả cho ông số tiền trên. Như vậy số tiền bị cáo còn nợ anh Sỹ X2 là 9.000.000đ, bị cáo đồng ý trả cho anh Sỹ X2 số tiền trên. Như vậy, yêu cầu của anh Sỹ X2 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với việc anh Nguyễn Sỹ X2 cho T gửi chiếc xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 36L8 làm tin để vay số tiền 12.000.000đ. Do anh Sỹ X2 không biết đây là tài sản bị cáo T trộm cắp mà có. Vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý anh Sỹ X2 tội “Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng pháp luật

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1, 3 điều 21; điểm a, c, d khoản 1 điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016;

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2022

- Về dân sự: Buộc bị cáo Lê Hữu T phải trả cho anh Nguyễn Sỹ X2 số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1, 3 điều 21; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 450.000đ án phí dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần X, ông Trần Đ, anh Nguyễn Sỹ X2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKVND TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga.